

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC BIỂN VIỆT NAM

NGUYỄN THANH MINH*

Việt Nam là một trong những quốc gia ven biển có diện tích đất liền không lớn, mật độ dân số cao, có khoảng 1/3 số dân của cả nước sinh sống ở ven biển và trực tiếp chịu ảnh hưởng của biển, nhưng chỉ có gần 40% số này sống nhờ các hoạt động kinh tế liên quan trực tiếp đến biển. Do đó, cùng với xu thế chung của các quốc gia trên thế giới và trong khu vực, xuất phát từ nhu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đòi hỏi Việt Nam phải nhanh chóng xây dựng một chiến lược toàn diện về biển.

Tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá X, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Nghị quyết đã đề ra những định hướng chiến lược biển lớn, chỉ rõ con đường phát triển đến năm 2020 đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, phấn đấu trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Việc xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Mới đây, Chính sách biển Việt Nam đã tiếp tục phát triển, thể hiện bằng việc thông qua Luật Biển Việt Nam vào năm 2012 và có hiệu lực năm 2013.

1. Quan điểm chỉ đạo trong định hướng chiến lược biển Việt Nam

Để trở thành một trong những quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, thông qua đó nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế và trong khu vực, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực, Nghị quyết của Đảng đã xác định ba quan điểm chỉ đạo cơ bản:

Một là, Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn.

Với những tiềm năng thế mạnh của biển và vùng biển, Việt Nam phải trở thành một quốc gia mạnh về biển. Điều đó phù hợp với xu thế chung trên thế giới hiện nay và có cơ sở khoa học. Bởi vì, Việt Nam là quốc gia có nguồn tài nguyên biển dồi dào, nhưng đến nay chưa khai thác được nhiều so với tiềm năng. Xây dựng và thực hiện Chiến lược biển trong thế kỷ XXI là phù hợp với quy luật tất yếu khách quan, tập trung lực lượng hướng sự phát triển của toàn đất nước ra biển.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới hiện nay, tiềm năng kinh tế biển Việt Nam cho phép phát triển một cơ cấu kinh tế biển phong

* ThS. Cục Cảnh sát biển Việt Nam - Bộ Quốc phòng.

phù và đa dạng. Đó là các lĩnh vực thăm dò, khai thác tài nguyên và chế biến dầu khí, đẩy mạnh công tác khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, công nghiệp đóng tàu, cảng biển, hệ thống vận tải và dịch vụ hàng hải, du lịch biển đảo v.v.. Tư tưởng chỉ đạo của Chiến lược biển là các Bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương ven biển phải tiến hành xây dựng cơ cấu ngành, nghề phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh, bền vững đạt hiệu quả cao.

Hai là, các Bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương ven biển phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế về biển và bảo vệ môi trường biển, tránh sự ô nhiễm biển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá như đô thị hiện đại ven biển.

Việt Nam là một trong những quốc gia có vùng biển rộng trong khu vực. Vùng biển Việt Nam rộng trên 1 triệu km², bao gồm vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Trong bối cảnh hiện nay, trên Biển Đông đang tồn tại một số vấn đề giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ chưa được giải quyết, đó là vấn đề tranh chấp chủ quyền biển đảo do lịch sử để lại.

Vì vậy, yêu cầu cấp thiết quan trọng thực hiện Chiến lược biển trong tình hình mới luôn thể hiện được sự gắn kết, đó là phải kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, đồng thời tiến hành hợp tác quốc tế biển trên mọi phương diện, bảo

vệ môi trường để phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển Việt Nam.

Phát triển kinh tế biển đòi hỏi yêu cầu phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển và ven biển, hải đảo kết hợp với phát triển vùng nội địa. Nền kinh tế quốc dân Việt Nam là sự thống nhất của cơ cấu ngành, cơ cấu vùng miền và cơ cấu các thành phần kinh tế trong xã hội. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển và ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa. Đây là cơ sở để thực hiện xây dựng nền kinh tế quốc dân thống nhất, phát huy sức mạnh của mỗi vùng, miền. Qua đó, tạo sự bổ sung, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển.

Ba là, đẩy nhanh công tác thu hút nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động. Trong tình hình mới, các cơ quan hữu quan cần phát huy có hiệu quả các nguồn nội lực và tranh thủ sự hợp tác quốc tế. Qua đó, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài để kinh tế biển phát triển, góp phần giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên các vùng biển.

2. Những định hướng cơ bản của Chiến lược biển đến năm 2020

2.1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề đặt ra là Việt Nam phải đẩy mạnh các lĩnh vực, như công tác điều tra cơ bản về tài nguyên biển; bảo vệ môi trường biển; phát triển khoa học công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển gắn với phát triển mạnh các ngành dịch vụ; xây dựng các tuyến đường cao tốc ven biển và các tuyến vận tải cao tốc trên biển. Đây là những lĩnh vực thiết

thực quan trọng trong quá trình phấn đấu trở thành quốc gia mạnh về biển và làm giàu từ biển.

Hệ thống cảng biển và kết cấu hạ tầng ven biển được xác định là ngành cơ bản, quan trọng hàng đầu, có vai trò quyết định trong việc liên kết và thúc đẩy kinh tế, xã hội. Sự hình thành và phát triển hệ thống cảng biển gắn với mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt ven biển là cơ sở và là tiền đề quan trọng bậc nhất để hình thành và phát triển hệ thống các khu đô thị cao cấp, các khu công nghiệp, khu chế xuất và các trung tâm du lịch - dịch vụ ven biển đảo.

Mặt khác, phát triển cảng biển còn tạo động lực mạnh mẽ để thúc đẩy và lôi kéo hàng loạt các ngành khác như: Vận tải biển, công nghiệp đóng tàu biển có trọng tải lớn, hiện đại, dịch vụ hàng hải, công nghiệp chế xuất, dịch vụ xuất, nhập khẩu và cung ứng tàu biển.

Phấn đấu trở thành một quốc gia mạnh từ biển, làm giàu từ biển, hơn bao giờ hết trong bối cảnh hiện nay, các cơ quan hữu quan cần đẩy nhanh tiến trình hình thành một số lĩnh vực kinh tế mạnh gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế để ra biển, làm động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Phát triển nhanh cả công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là công nghiệp dầu khí, khai thác hải sản, các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, các cơ sở công nghiệp lớn.

Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần tập trung vào hướng phát triển ưu tiên có trọng điểm. Theo định hướng cơ bản, căn cứ vào nhiệm vụ và mục tiêu phát triển

kinh tế biển đến năm 2020, các lĩnh vực kinh tế vùng biển và ven biển Việt Nam cần được ưu tiên phát triển như sau:

Thứ nhất, khai thác, chế biến dầu khí, tiến tới đẩy nhanh công tác khai thác và chế biến khoáng sản, tránh tình trạng xuất thô, nhập tinh gây tổn thất lớn cho nền kinh tế quốc dân, với lộ trình khai thác hợp lý, đảm bảo tiết kiệm nguồn tài nguyên cho quốc gia, tập trung ưu tiên mạnh mẽ cho công tác liên doanh khai thác dầu khí ở nước ngoài.

Thứ hai, kinh tế hàng hải (kinh tế vận tải biển, kinh tế cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển). Đặc biệt chú trọng đến kinh tế vận tải biển, tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu vận tải biển theo hướng trẻ hoá, hiện đại hoá và chuyên dụng hoá, đặc biệt là tàu container và tàu dầu, đến năm 2015 đạt trọng tải trên 10 triệu DWT và năm 2020 trên 14 triệu DWT, nhằm nâng cao sức cạnh tranh với các công ty vận tải biển nước ngoài trên thế giới và trong khu vực.

Tham gia hiệu quả thị trường vận tải trong khu vực và thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm bảo đảm hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để đến năm 2015 đạt 25% và đến năm 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hoá xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

Thứ ba, khai thác và chế biến hải sản, đẩy mạnh công tác đánh bắt ngoài khơi xa, nuôi các loại hải sản chất lượng cao và chế biến hải sản, hợp lý nguồn hải sản phong phú. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các

giống loài thủy sản quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng. Trong nghiên cứu ngư trường phục vụ công tác quy hoạch phát triển các ngành, nghề thủy sản hiệu quả cao, bền vững. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu tham gia có hiệu quả các Hiệp định nghề cá khu vực và thế giới. Trong khai thác hải sản cần tiến hành gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực liên quan đến quyền, trách nhiệm khai thác hải sản ở các vùng biển, đại dương. Đẩy mạnh công tác hợp tác nghiên cứu, chuyển giao (nhập) các công nghệ tiên tiến khai thác hải sản có giá trị kinh tế cao, hợp tác với nước ngoài đầu tư công nghệ hiện đại để phát hiện ngư trường phục vụ trực tiếp cho việc đánh bắt của ngư dân có hiệu quả cao. Cần chú trọng giảm thiểu đánh bắt ven bờ, tập trung triển khai công tác đánh bắt xa bờ, đánh bắt ở vùng biển quốc tế theo hình thức tự lực hoặc liên doanh với nước ngoài.

Thứ tư, đẩy mạnh ngành du lịch biển và kinh tế hải đảo, du lịch biển và vui chơi giải trí chất lượng cao. Trong bối cảnh hiện nay, ngành du lịch biển cần phát huy tối đa các ưu thế và nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác với bên ngoài để phát triển tổng hợp du lịch biển - núi - hải đảo. Đây là lợi thế mà các quốc gia và các vùng khác không có, nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch và dịch vụ cao cấp độc đáo, đặc thù theo từng vùng, miền, địa phương gắn với tài nguyên du lịch biển, đảo, có chất lượng và uy tín cao trên thị trường du lịch trong nước và khu vực Đông Nam Á.

2.2. Chiến lược quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Trên cơ sở xác định nhiệm vụ cơ bản lâu dài, xuyên suốt và nhiệm vụ trước mắt,

Nghị quyết đã nêu định hướng chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại vùng biển và ven biển trong tình hình mới với những luận điểm cơ bản, quan trọng góp phần cung cấp cơ sở lý luận về quá trình hoạch định chính sách quốc gia về biển, đó là:

Phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững độc lập chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển, đảo, toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải và vùng trời của Tổ quốc. Trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, hơn bao giờ hết, để thực hiện tốt chiến lược biển, phải khẳng định mạnh mẽ và thể hiện ý chí quyết tâm cao nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong việc bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên các vùng biển và hải đảo của Tổ quốc.

Đẩy mạnh và tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và pháp luật về lĩnh vực biển, đảo, quản lý nguồn tài nguyên và môi trường biển, hình thành hệ thống cơ sở pháp lý đồng bộ và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng trong quản lý vùng trời, bảo vệ biển đảo của Tổ quốc. Đây là những nội dung mang tính chất quan trọng, thiết yếu và có tính quyết định trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia về biển.

2.3. Điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển

Hiện nay, Đảng và Nhà nước đang tập trung chỉ đạo các Bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương ven biển đẩy mạnh những nhiệm vụ, như: công tác nghiên cứu

điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển nhằm xác lập căn cứ khoa học cho việc xây dựng; ở tầm vĩ mô cần tiếp tục bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách quản lý tài nguyên, môi trường biển theo hướng phát triển bền vững. Xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển, gắn bảo vệ môi trường biển với phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế đặt ra cho Việt Nam là phải đổi mới công nghệ, ứng dụng các thành tựu tiên bộ của khoa học. Chỉ có đổi mới công nghệ Việt Nam mới thực hiện thành công việc điều tra, quan trắc, dự báo nguồn tài nguyên và môi trường biển để phục vụ tốt cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Các Bộ, ngành hữu quan và chính quyền địa phương ven biển cần đẩy nhanh tiến trình hiện đại hoá công tác điều tra tài nguyên và môi trường biển để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, phấn đấu đến năm 2020 đạt trình độ tiên tiến của khu vực Đông Nam Á.

Qua thực tiễn nghiên cứu chính sách biển của các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo và các cường quốc hàng hải trên thế giới, cũng như căn cứ vào tình hình cụ thể của Việt Nam, vấn đề đặt ra trong giai đoạn hiện nay là Đảng và Nhà nước cần tập trung chỉ đạo và thực hiện một số trọng tâm như sau: 1, Dự án điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường Biển Đông đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; 2, Dự án điều tra địa chất, khoáng sản, môi trường và tai biến địa chất Biển Đông; 3, Chương trình điều tra tổng

thể khí tượng thủy văn Biển Đông; 4, Chương trình thành lập bản đồ địa hình đáy biển; 5, Dự án đổi mới công nghệ và tăng cường năng lực điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển đến năm 2020; 6, Chương trình đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường Biển Đông; 7, Chương trình nghiên cứu bão trên Biển Đông phục vụ phòng, chống thiên tai bằng mô hình số trị; 8, Chương trình điều tra nguồn gốc sinh học biển; 9, Chương trình điều tra địa vật lý biển; 10, Chương trình điều tra và dự báo nguồn lợi hải sản Biển Đông, thiết lập khu vực bảo tồn biển; 11, Xây dựng Bộ luật về tài nguyên, môi trường biển Việt Nam.

Đây là những định hướng vô cùng quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách quốc gia về biển, đòi hỏi phải có sự đoàn kết, thống nhất cao giữa các Bộ, ban, ngành và các chính quyền địa phương ven biển, phối hợp thực hiện một cách tổng thể trên tầm nhìn chiến lược và dài hạn về biển đảo, nhằm góp phần thực hiện thành công Chiến lược biển Việt Nam.

2.4. Phát triển khoa học - công nghệ biển

Phát triển khoa học - công nghệ biển thực sự trở thành động lực của phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển. Với thực tế của ngành khoa học biển hiện nay, Việt Nam cần phải xây dựng tiềm lực khoa học - công nghệ biển nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, phục vụ hiệu quả quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển sự nghiệp khoa học - công nghệ của đất nước.

Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác quốc tế về biển trong lĩnh vực ứng dụng khoa học - công nghệ nhằm phục vụ cho công

tác điều tra cơ bản, dự báo thiên tai và khai thác nguồn tài nguyên biển một cách có hiệu quả. Trong đó, cần chú trọng các yếu tố tự nhiên, tài nguyên, môi trường để xác lập căn cứ cho việc hoạch định chính sách quản lý tài nguyên, môi trường biển theo hướng phát triển bền vững.

Việt Nam cần nhanh chóng nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ, hình thành những lĩnh vực mũi nhọn, đáp ứng được yêu cầu giai đoạn phát triển mới của đất nước. Phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển của Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của khu vực Đông Nam Á và nhanh chóng hội nhập quốc tế một cách toàn diện về khoa học biển.

Định hướng ưu tiên nghiên cứu một số ngành và lĩnh vực trong bối cảnh hiện nay như: 1, Vấn đề quản lý tổng hợp dải ven biển, bảo đảm phát triển cân đối các ngành kinh tế, an toàn môi trường; 2, Các loại vật liệu xây dựng công trình biển, phục vụ sản xuất của các ngành dầu khí, giao thông, hải sản, du lịch biển v.v.; 3, Xây dựng và công bố các tiêu chuẩn quốc gia về môi trường, quy phạm quốc gia về xây dựng công trình biển phù hợp với điều kiện biển Việt Nam; 4, Các giải pháp bảo đảm nhu cầu nước ngọt cho giải ven biển; 5, Sản xuất công nghiệp, bao gồm cả thủy, hải sản vùng ven bờ; 6, Chế biến nông, lâm thủy sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; 7, Bảo đảm kịp thời sự tương hợp với các nước trong khu vực trên các lĩnh vực như bưu chính - viễn thông, hàng không, dịch vụ và tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch v.v.; 8, Tập trung nghiên cứu các vấn đề y học cơ bản, ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe; 9, Nghiên cứu áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm khai thác hợp lý, hiệu quả

tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Ứng dụng những công nghệ mới trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển; 10, Các phương án sử dụng năng lượng biển.

Đây là những lĩnh vực ưu tiên đã được xác định trong định hướng về phát triển khoa học - công nghệ biển Việt Nam đến năm 2020. Hiện nay một số lĩnh vực đã được tập trung đầu tư nghiên cứu bước đầu đạt hiệu quả cao.

2.5. Bảo vệ môi trường biển, phòng chống thiên tai

Đẩy mạnh công tác hạn chế, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường biển là vấn đề cấp bách không chỉ đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, mà còn đối với tất cả các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo trên thế giới. Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển và ven biển, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Các cơ quan hữu quan sớm có quy định cụ thể đối với việc phân bố những công trình có nguy cơ gây ô nhiễm tại khu vực ven biển và hải đảo. Cần thực hiện công tác đánh giá tác động của môi trường đối với các dự án đầu tư phát triển, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

Hiện nay, một số cơ sở sản xuất ven biển, như các nhà máy, các công ty tư nhân, bệnh viện đã có các hành vi xả một lượng lớn nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra biển hoặc xuống các dòng sông có cửa đổ ra biển. Điều đó đã làm cho môi trường ven bờ biển Việt Nam ở một số khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

Những sự cố ô nhiễm môi trường biển, cảnh báo thiên tai là những việc làm có tính quy mô khu vực và toàn cầu. Nếu một quốc gia ven biển thực hiện, thì sẽ không thu được kết quả cao. Vì vậy, trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng chống ô nhiễm môi trường biển và cảnh báo thiên tai, đặc biệt chú trọng ưu tiên hợp tác với các quốc gia trong khu vực Biển Đông.

2.6. Xây dựng kết cấu hạ tầng biển

Trong xu thế toàn cầu hoá, tự động hoá và công nghiệp hoá đang diễn ra một cách nhanh chóng, điều đó đã hối thúc các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo trong đó có Việt Nam cần tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống cảng biển đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhằm góp phần thúc đẩy kinh tế biển phát triển đem lại nguồn lực to lớn cho quốc gia.

Việt Nam là quốc gia ven biển đang ở trình độ của một nước đang phát triển, với định hướng chiến lược biển rõ ràng và niềm tin tuyệt đối vào lộ trình phát triển là Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh từ biển và làm giàu từ biển, thì công tác xây dựng hệ thống cảng biển hiện đại là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chiến lược biển Việt Nam. Đồng thời, tăng cường đầu tư chiều sâu, cải tiến đồng bộ và hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật, nhằm sớm khắc phục tình trạng lạc hậu về trình độ kỹ thuật - công nghệ của hệ thống cảng biển Việt Nam. Tăng nhanh năng lực bốc xếp hàng hoá, giảm thiểu tối đa chi phí, bảo đảm có sức cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy nhanh công tác xây dựng giao thông ven biển. Sự phát triển liên hoàn ven biển sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện nhanh khâu trung chuyển hàng hoá, đồng thời có thể cạnh tranh được với một số nước trong khu vực, như Singapore, Indonesia, Thái Lan v.v.. Điều quan trọng nhất đó là, Việt Nam phải sớm hoàn chỉnh và khai thác có hiệu quả hệ thống sân bay ven biển.

Đẩy nhanh công tác thực hiện dịch vụ logistics ven biển, đảo nhằm góp phần thuận lợi trong quá trình trung chuyển, giao nhận hàng hoá quốc tế bằng đường biển. Xây dựng hệ thống đường cao tốc ven biển, sớm hình thành tuyến đường ven biển từ Móng Cái tới Hà Tiên, trước mắt ưu tiên xây dựng tuyến đường cao tốc Bắc - Nam trên biển.

Bên cạnh đó, phát triển các tuyến nhánh nối tuyến ven biển này với các tuyến huyết mạch trong nội địa, bảo đảm nối thông các “cửa” vào - ra ven biển với các trung tâm kinh tế - đô thị lớn trong nội địa. Xây dựng hệ thống cung cấp điện và cung cấp nước ngọt, công trình khoa học lọc nước biển thành nước ngọt, nhằm bảo đảm cho quá trình phát triển kinh tế biển và phục vụ tốt cho sinh hoạt của dân cư ven biển và trên các đảo, các nhà dân.

Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, quan sát về biển; sớm hình thành hệ thống nghiên cứu và dự báo về biển có trọng tâm, trọng điểm theo từng lĩnh vực và theo vùng.

2.7. Chiến lược các vùng biển

Theo quy hoạch tổng thể, hiện nay Việt Nam có 4 vùng biển và ven biển. Nghị quyết đã nêu định hướng chiến lược các

vùng biển dựa trên tình hình thực tế của từng vùng, miền ven biển. Điều này, góp phần hoàn thiện quy hoạch tổng thể các vùng biển Việt Nam trong tình hình mới.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong tình hình mới

Trong xu hướng chung của thế giới bước vào thế kỷ XXI là hướng tiến ra biển và đại dương, yêu cầu quan trọng đối với các quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo và các cường quốc về hàng hải trên thế giới, đó là vấn đề hoạch định chính sách quốc gia về biển, được nâng lên tầm cao mới và tầm nhìn dài hạn.

Chiến lược biển Việt Nam đã phản ánh sinh động quá trình xây dựng hệ thống cơ sở lý luận chung về biển, để từ đó trong quá trình vận dụng và triển khai thực hiện, Việt Nam sẽ trở thành một trong những quốc gia mạnh từ biển, làm giàu từ biển. Để thực hiện thành công Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Nghị quyết đã xác định 9 nhóm nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đó là:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi các cấp, các ngành và chính quyền địa phương sở tại ven biển phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, có hệ thống trong nhân dân, nhằm nâng cao và tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của tất cả các cấp, các ngành và các giai tầng xã hội về vị trí chiến lược của biển đảo Việt Nam. Ý thức về biển phải được thể hiện đầy đủ trong chính sách

phát triển của những ngành có liên quan và các chính quyền địa phương có biển.

Thứ hai, xây dựng lực lượng mạnh nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển. Là quốc gia mạnh từ biển, Việt Nam cần phải đầu tư cho lực lượng quốc phòng nói chung và các lực lượng trọng điểm trực tiếp làm nhiệm vụ trên biển nói riêng, như: Cảnh sát biển, Hải quân, Biên phòng, Không quân với những trang bị tối tân, hiện đại nhằm tăng cường sức mạnh phòng thủ, tự vệ để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Tổ quốc và đủ sức mạnh đánh bại mọi sự xâm lấn chủ quyền biển đảo, các cuộc tấn công từ hướng biển vào đất liền của các thế lực thù địch và những đối thủ xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam trong tình hình mới. Lịch sử đã để lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu và xương máu. Bởi vậy, trong môi trường hoà bình đòi hỏi toàn bộ các lực lượng vũ trang phải luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác. Bởi vì, tiếng súng xâm lăng của kẻ thù có thể nổ ra bất cứ thời điểm nào để xâm phạm chủ quyền biển đảo.

Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương đối với nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo của Tổ quốc. Các địa phương có biển, đảo phải có biện pháp giáo dục, tuyên truyền, phổ biến nhằm làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ nghĩa vụ, quyền lợi, trách nhiệm và các biện pháp quản lý, đấu tranh trên biển. Các huyện đảo phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, như: Cảnh sát biển, Hải quân, Biên phòng và Không quân để bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

của Tổ quốc trên biển trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Cụ thể hoá những luận điểm xây dựng và phát triển kinh tế biển phải gắn chặt với đảm bảo quốc phòng, an ninh bằng hành động thiết thực. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gắn với phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh công tác dân sự hoá trên biển, đảo gắn với tổ chức dân cư, tổ chức sản xuất và khai thác biển.

Đảng và Nhà nước cần có chính sách đặc biệt để khuyến khích mạnh mẽ nhân dân ra định cư ổn định trên đảo và làm ăn dài ngày trên biển. Mặt khác, Việt Nam cần đẩy mạnh hoạt động đối ngoại về biển, vận dụng linh hoạt các nguyên tắc của hệ thống pháp luật quốc tế để giải quyết kịp thời, có hiệu quả các tranh chấp trên biển đảo.

Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại hoà bình, vận dụng các nguyên tắc cơ bản của Công ước luật biển (UNCLOS), và Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). Đây là hệ thống cơ sở để đàm phán với các nước láng giềng, các nước có tranh chấp thêm lục địa, vùng chồng lấn, phân chia vùng biển lịch sử.

Yêu cầu bức thiết hiện nay đối với đất nước là trên vùng biển rộng lớn còn có nhiều đảo chưa được đặt tên. Do vậy, cần sớm triển khai và hoàn thành việc đặt tên các đảo, tiến tới xây dựng mô hình tổ chức hành chính và nâng cao năng lực quản lý các huyện đảo, xã đảo, nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo tốt quốc phòng, an ninh.

Thứ ba, đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học - công nghệ biển.

Đây là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình thực hiện chiến lược biển của Việt Nam đến năm 2020. Bởi vậy, cần xây dựng hệ thống thông tin cơ sở tin cậy, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển. Mọi chủ trương, giải pháp về khoa học - công nghệ phải được coi là giải pháp đi trước, mang tính đột phá, nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng khoa học cho ngành kinh tế biển phát triển.

Thứ tư, triển khai công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi công tác quy hoạch của Việt Nam phải đi trước một bước với tầm nhìn dài hạn, hiện đại theo những tiêu chuẩn phù hợp với quốc tế và khu vực. Các Bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương ven biển cần quán triệt quan điểm quan trọng coi vùng duyên hải gắn với kinh tế biển là vùng động lực để mở cửa, thúc đẩy phát triển toàn bộ và bền vững nền kinh tế quốc gia. Chú trọng tập trung phát triển mạnh những cơ sở công nghiệp chế biến các sản phẩm từ biển, hạn chế tối đa xuất khẩu sản phẩm thô gây lãng phí cho nguồn tài nguyên quốc gia.

Thứ năm, quản lý nhà nước có hiệu lực và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến biển. Quản lý nhà nước về biển phải thống nhất, tránh chồng chéo giữa các Bộ, ban, ngành và các chính quyền địa phương ven biển, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước thống nhất về biển. Đây là thời điểm quan trọng để Việt Nam xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển một cách đầy đủ. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở cho việc xác

lập chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Là quốc gia biển, Việt Nam cần đẩy mạnh tiến trình ban hành cơ chế, chính sách bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững trong những lĩnh vực có liên quan đến biển, đảo và vùng ven biển, đặc biệt là bảo đảm phát triển kinh tế, xã hội ở vùng biển xa bờ có giá trị chiến lược về kinh tế và quốc phòng, an ninh.

Thứ sáu, xây dựng đầy đủ, đồng bộ hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế biển. Với mục tiêu kinh tế biển sẽ giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, bởi vậy hiện nay, Đảng và Chính phủ cần khuyến khích mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư dưới mọi hình thức của các thành phần kinh tế để phát triển kinh tế biển. Cần tập trung xây dựng các công trình thuộc kết cấu hạ tầng lớn, như cảng biển, hệ thống đường giao thông cao tốc ven biển, các khu đô thị chất lượng cao, các khu công nghiệp, khu chế xuất v.v..

Tiến hành tập trung đầu tư đủ mức, đồng bộ và dứt điểm nhằm phát huy cao nhất năng lực và hiệu quả khai thác, đặc biệt là với các khu công nghiệp, hệ thống các cảng biển, các cơ sở sản xuất và dịch vụ liên quan đến biển, đảo. Đồng thời, đẩy mạnh công tác nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách cho việc phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh, các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất gắn với công tác bảo vệ môi trường biển, nhằm đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững. Phát triển hệ thống cảng biển gắn với hệ

thống giao thông ven biển và các trung tâm kinh tế, chính trị lớn của đất nước.

Có chính sách xây dựng nhà ở kiên cố cho nhân dân vùng ven biển và chính sách khuyến khích đánh bắt xa bờ, nuôi trồng thủy sản trên biển, vận tải biển. Đây là luận điểm cơ bản của cơ sở lý luận về kết hợp giữa khai thác nguồn tài nguyên biển và góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Đồng thời từng bước hình thành ý thức chiến tranh nhân dân trên biển cho toàn thể dân tộc Việt Nam, góp phần thực hiện thành công chiến lược biển.

Thứ bảy, phát triển nguồn nhân lực biển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển. Trên cơ sở quy hoạch từng ngành, lĩnh vực thuộc kinh tế biển và vùng ven biển, cần phát triển mạnh nguồn nhân lực biển, bao gồm cán bộ nghiên cứu khoa học biển, cán bộ quản lý, các chuyên gia và đội ngũ lao động được đào tạo chuyên sâu về các nghề liên quan đến kinh tế biển. Trong lĩnh vực này, đòi hỏi Việt Nam phải đẩy nhanh lộ trình xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo gắn với cơ chế cử tuyển để khuyến khích cán bộ khoa học và quản lý ra công tác tại các đảo và vùng ven biển.

Luận điểm quan trọng trong lĩnh vực này, đó là, các Bộ, ban, ngành hữu quan và đặc biệt là các chính quyền địa phương ven biển phải coi trọng phát triển các lĩnh vực xã hội ở vùng ven biển, đặc biệt chú ý đến đời sống và đảm bảo an toàn tính mạng cho những người hoạt động trên biển, đảo và nhân dân ở những vùng ven biển, đảo thường bị thiên tai.

Thứ tám, tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển. Tăng cường

công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển để khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng kinh tế biển, đồng thời bảo đảm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Vấn đề quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, là nhanh chóng hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại về biển theo luật pháp và thông lệ quốc tế, có tính tới các quan hệ với các nước trong khu vực, đồng thời tranh thủ các diễn đàn quốc tế để củng cố vị thế của Việt Nam về biển và ranh giới biển quốc gia.

Trong xu thế của thời đại là hoà bình, hợp tác và phát triển, luật pháp quốc tế ngày càng thể hiện rõ vai trò là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng cho sự hợp tác giữa các quốc gia và giải quyết những tranh chấp nảy sinh giữa các quốc gia, góp phần xây dựng một thế giới tương đối ổn định, hoà bình và thịnh vượng. Luật pháp quốc tế được duy trì và phát triển sẽ có tác động trực tiếp đến hoà bình, an ninh và phát triển của Việt Nam - một thành viên của cộng đồng các quốc gia và tồn tại không thể tách rời cộng đồng các quốc gia trên thế giới.

Thứ chín, xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh về biển. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh về biển làm lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế biển của Việt Nam hiện nay với sự tham gia của mọi thành phần kinh tế trong xã hội. Việc xây dựng các tập đoàn kinh tế cần đặc biệt chú ý đến các lĩnh vực quan trọng, như: Điều tra, khai thác và chế biến dầu khí, khoáng sản, hàng hải, công nghiệp đóng tàu, vận tải biển, khai thác và chế biến hải sản.

4. Kết luận

Lịch sử phát triển của nhân loại đã chứng minh tính đúng đắn vai trò của biển đối với sự phát triển của mỗi quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo và các cường quốc về hàng hải trong mọi thời đại. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, vị trí của biển đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của các quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo và các cường quốc về hàng hải trên thế giới.

Việt Nam là quốc gia ven biển, trải qua các thời kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, biển, đảo luôn giữ một vai trò quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và quá trình xây dựng đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, biển, đảo càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước, coi đó là sự cần thiết và cơ sở quan trọng để xây dựng Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

1. Biển có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển, quốc phòng và an ninh của các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo trong khu vực nói riêng và thế giới nói chung. Các quốc gia có biển luôn vươn ra biển, khai thác và phát huy tiềm năng biển. Tài nguyên biển và lợi thế do biển mang lại hứa hẹn nhiều triển vọng to lớn đối với các quốc gia ven biển và quốc gia quần đảo. Với sự tăng trưởng kinh tế và dân số hiện nay, nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên không tái tạo được trên đất liền đang được khai thác với quy mô và tốc độ ngày càng cao, điều đó sẽ dẫn đến sự cạn kiệt trong vài ba thập kỷ tới. Trong khi đó, biển chứa đựng nguồn tài nguyên rất dồi dào.

Vì vậy, các quốc gia ven biển, các quốc gia quần đảo và cường quốc hàng hải trên

thế giới đều đã và đang hoạch định chính sách quốc gia vươn ra biển, xây dựng chiến lược biển nhằm tăng cường tiềm lực mọi mặt để khai thác biển. Trong bối cảnh hiện nay, có nhiều nước có xu hướng xây dựng kế hoạch bảo tồn tài nguyên trên đất liền và vùng biển quốc gia, trong khi đó vươn ra điều tra, khai thác nguồn tài nguyên dồi dào trên các đại dương.

2. Với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, ngày nay biển có vai trò ngày càng lớn đối với sự nghiệp phát triển của đất nước. Việt Nam là một bán đảo nằm trên bờ Biển Đông - vùng biển Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng đối với các quốc gia trong khu vực và toàn thế giới. Đây là tuyến hàng hải chủ yếu thông thương giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Hầu hết các quốc gia trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đều có các hoạt động hàng hải thương mại mạnh mẽ trên khu vực Biển Đông. Biển Đông còn là nơi chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên quan trọng phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là nguồn dầu khí và khoáng sản.

3. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành một số nghị quyết, chính sách, nghị định và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến biển. Trong giai đoạn phát triển mới, xuất phát từ yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài

phần quốc gia đối với biển, đảo và vùng trời của Tổ quốc, đòi hỏi Việt Nam cần có Chiến lược biển toàn diện, nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiên cứu và triển khai thực hiện các định hướng cơ bản của chiến lược biển Việt Nam là vấn đề cấp thiết đối với các Bộ, ban, ngành hữu quan và các chính quyền địa phương trong bối cảnh hiện nay.

Tựu trung lại, để thực hiện thành công Chiến lược biển Việt Nam, đòi hỏi phải có sự thống nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong quá trình triển khai và thực hiện Chiến lược biển, toàn thể dân tộc Việt Nam nhìn về biển với tầm cao chiến lược và dài hạn.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X*, Hà Nội.
2. Xem: Nguyễn Thanh Minh, 2011. *Tiềm năng biển Việt Nam và chính sách hợp tác quốc tế về biển trong thập niên đầu thế kỷ XXI*. Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Minh, 2011. *Bàn về các nguyên tắc cơ bản của Chiến lược biển Việt Nam trong thế kỷ XXI*, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 7.
4. Vũ Dương Ninh, 2007. *Việt Nam - Thế giới và sự hội nhập (một số công trình tuyển chọn)*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.